

Số: 162/THCSVLA

Vĩnh Lộc A, ngày 02 tháng 07 năm 2024

Về báo cáo công khai dự
toán ngân sách quý 2 năm
2024

Kính gửi: Phòng Tài chính Kế hoạch huyện Bình Chánh.

Căn cứ Công văn số 621/TCKH ngày 22/03/2021 của Phòng Tài chính Kế hoạch huyện Bình Chánh về thực hiện chế độ báo cáo trong năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 13942/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh về giao quyền tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Huyện giai đoạn 2022-2026.

Trường THCS Vĩnh Lộc A gửi báo cáo số liệu về báo cáo công khai dự toán ngân sách quý 2 năm 2024 theo các mẫu biểu đính kèm, như sau:

1. Quyết định công khai dự toán ngân sách quý 2 năm 2024
2. Bảng đánh giá thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý 2 năm 2024

Hồ sơ gửi kèm (nếu có):

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.KT



Đơn vị: Trường THCS Vĩnh
Lộc A

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 49/QĐ-THCSVLA

Vĩnh Lộc A, ngày 02 tháng 07 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách quý 2 năm 2024 của Trường THCS Vĩnh Lộc A

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 13942/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2022 của UBND huyện Bình Chánh về điều chỉnh cơ chế tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2022-2026.

Căn cứ đánh giá thực hiện dự toán thu- chi ngân sách quý 2 năm 2024;

Xét đề nghị của phòng tài chính kế hoạch huyện Bình Chánh;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu phân bổ dự toán ngân sách quý 2 năm 2024 của Trường THCS Vĩnh Lộc A (theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thông báo đến tập thể nhà trường được biết, Phòng Tài chính huyện bình Chánh để tổng hợp, Hiệu trưởng, kế toán trường THCS Vĩnh Lộc A thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- Toàn thể viên chức, người lao động của trường;
- P.Tài chính kế hoạch;
- Lưu :VT, ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Chữ ký, dấu)



Đỗ Hiếu Lễ

UBND HUYỆN BÌNH CHÁNH
TRƯỜNG THCS VĨNH LỘC A

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 162/THCSVLA

Bình chánh, ngày 02 tháng 07 năm 2024

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
QUÝ 2 NĂM 2024**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trường THCS Vĩnh Lộc A công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 2 năm 2024, như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 2 năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 2 năm 2024 so quý 2 năm 2023 (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5=4/3	600%
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Học phí, lệ phí tuyển dụng	2.512	662		
2	Dịch vụ				
3	Sự nghiệp khác				
3.1	Thỏa thuận	2.559	708	27,67%	1770%
	Tổ chức học 2 buổi				
	Tiếng Anh tăng cường				
	Tiếng Anh có giáo viên nước ngoài				
	Bơi lội	220	15	6,82%	
	Nghề khối 8				0%
	Tin học quốc tế	500	33	6,60%	
	Kỹ năng sống	1.539	460	29,89%	
	Căn tin	300	200	66,67%	
3.2	Thu hộ	2.425		0,00%	
	Ăn trưa				
	Nước uống	126	9	7,06%	445%
	Giấy thi, đề kiểm tra	110	8	7,18%	395%
	Học phẩm (Sổ liên lạc, phù hiệu, logo, học bạ + bao bì lớp 6)	30	2	6,67%	133%
	Lớp 6	10			
	Lớp 7,8,9	20			
	Sổ liên lạc điện tử	223	16	7,07%	
	Bảo hiểm y tế (15 tháng)				
	Bảo hiểm y tế (12 tháng)	1.700	12	0,71%	109%

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 2 năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 2 năm 2024 so quý 2 năm 2023 (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5=4/3	600%
	Bảo hiểm tai nạn	120		0,00%	
	Thù lao BHYT HSSV (1,8% x Tổng thu)	31		0,00%	
	Chăm sóc sức khỏe ban đầu (5%xtổng thu)	85		0,00%	0%
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
I	Chi sự nghiệp giáo dục				
a	<u>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</u>	5.071	871		
	Tiền công	107			
	Phúc lợi tập thể	200			
	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	1.005			
	Thanh toán dịch vụ công cộng	-			
	Vật tư văn phòng	100			
	Thông tin tuyên truyền liên lạc	100			
	Công tác phí	-			
	Chi phí thuê mướn	2.508	610		
	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn KP thường xuyên	200			
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	800	261		
	Thuế TNDN theo quy định 2%	51			
	Chi khác				
	Quỹ phúc lợi				
	Quỹ khen thưởng				
	Quỹ p.triển h/động SN				
	Chi nâng lương, NQ 04				
	...				
b	<u>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (chi hộ)</u>	2.425	130		
	Ăn trưa				
	Nước uống	126	40		
	Giấy thi, đề kiểm tra	110	55		
	Học phẩm (Sổ liên lạc, phù hiệu, logo, học bạ + bao bì lớp 6)		16		
	Lớp 6	10			
	Lớp 7,8,9	20			
	Sổ liên lạc điện tử	223			
	Bảo hiểm y tế (15 tháng)				
	Bảo hiểm y tế (12 tháng)	1.700	20		
	Bảo hiểm tai nạn	120			
	Thù lao BHYT HSSV (1,8% x Tổng thu)	31			

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 2 năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 2 năm 2024 so quý 2 năm 2023 (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5=4/3	600%
	Chăm sóc sức khỏe ban đầu (5%xtổng thu)	85			
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	22.114	5.755		
	Lương	6.951	1.784	25,66%	138%
	Lương theo ngạch bậc	6.951	1.784	25,66%	138%
	lương hợp đồng theo chế độ				
	Lương khác				
	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng				
	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng				
	Phụ cấp	4.168	775	18,59%	128%
	Chức vụ	85	21	24,71%	
	Phụ cấp thêm giờ	770		0,00%	
	Phụ cấp ưu đãi nghề	2.111	530	25,09%	
	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	39	14	35,90%	
	Phụ cấp TNVK, thâm niên nghề	878	186	21,14%	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 2 năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 2 năm 2024 so quý 2 năm 2023 (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5=4/3	600%
	Phụ cấp đặc biệt khác của ngành (nguồn 12)	285	25	8,60%	
	Tiền thưởng	20			
	Thưởng thường xuyên	20			
	Phúc lợi tập thể				
	Trợ cấp khó khăn thường xuyên				
	Trợ cấp khó khăn đột xuất				
	Tiền tàu xe nghỉ phép				
	Tiền y tế trong các cơ quan đơn vị				
	Chi khác				
	Các khoản đóng góp	1.834	476	25,97%	136%
	Bảo hiểm xã hội (17,5%)	1.385	355	25,62%	
	Bảo hiểm y tế (3%)	231	61	26,32%	
	Kinh phí công đoàn (2%)	141	41	28,72%	
	Bảo hiểm thất nghiệp(1%)	77	20	25,97%	
	Truy nộp BHXH, BHYT, BHTN do nâng lương				
	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	5			
	Chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế khoán , tự chủ				
	Chi khác:Trợ cấp vùng sâu				
	Chi khác:Trợ cấp NQ 03				
	+ Hỗ trợ chế độ nhân viên y tế nguồn 12	5		0,00%	
	Thanh toán dịch vụ công cộng	381	107	28,01%	117%
	Tiền điện	180	75	41,67%	
	Tiền nước	30	13	42,33%	
	Tiền Vệ sinh môi trường	20	9	45,00%	
	Vật tư văn phòng	150	10	6,67%	32%
	Vật tư văn phòng khác	1		0,00%	
	Thông tin ,tuyên truyền, liên lạc	74	10	13,11%	78%
	Cước điện thoại trong nước	12	0,1	0,83%	
	Thuê bao kênh vệ tinh;thuê bao cáp truyền hình; cước internet;thuê đường truyền mạng cáp	10	10	96,00%	
	Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách	41		0,00%	
	Khoản điện thoại	11		0,00%	
	Hội nghị	4		0,00%	
	In mua tài liệu	4		0,00%	
	Thuê hội trường, phương tiện vận chuyển				
	Các khoản thuê mướn khác	4			

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 2 năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 2 năm 2024 so quý 2 năm 2023 (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5=4/3	600%
	Chi bù tiền ăn				
	Chi phí khác				
	Công tác phí	37		0,00%	
	Tiền vé máy bay, tàu xe				
	Phụ cấp công tác phí				
	Tiền thuê phòng ngủ				
	Khoản công tác phí	37		0,00%	
	Chi phí thuê mướn	645	212	32,85%	93%
	Thuê phương tiện vận chuyển	25		0,00%	
	Thuê lao động trong nước				
	Thuê đào tạo cán bộ	20		0,00%	
	chi phí thuê mướn khác khác	600	212	35,32%	
	Sửa chữa thường xuyên	70	-	0,00%	
	Nhà cửa				
	Các thiết bị công nghệ thông tin	50		0,00%	
	Tài sản và thiết bị văn phòng	20		0,00%	
	Đường điện cấp thoát nước				
	Sửa chữa các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác				
	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn				
	Tài sản và thiết bị chuyên dùng				
	Tài sản và thiết bị văn phòng				
	Các thiết bị công nghệ thông tin				
	Tài sản và thiết bị khác				
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	232	135	58,19%	
	Chi mua hàng hóa, vật tư chuyên môn	80		0,00%	
	Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động				
	Chi hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành				
	Hỗ trợ chi phí dịch vụ công chưa kết cấu vào giá				
	Chi phí khác (hợp đồng thực hiện nghiệp vụ chuyên môn)	152	135	88,82%	
	Mua sắm tài sản vô hình	108	-	0,00%	
	Mua bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	100		0,00%	
	Xây dựng phần mềm công nghệ thông tin				
	Chi khác	8		0,00%	
	Chi lập các quỹ của đơn vị sự nghiệp có thu theo chế độ quy định	5 75		0,00%	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 2 năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 2 năm 2024 so quý 2 năm 2023 (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5=4/3	600%
	Chi lập Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ dự phòng ổn định thu nhập				
	Chi lập Quỹ phúc lợi	75		0,00%	
	Chi lập quỹ khen thưởng				
	Chi lập quỹ phát triển sự nghiệp				
	Chi hỗ trợ và giải quyết việc làm				
	Chi hỗ trợ khác				
	Chi mua sắm tài sản cố định				
	Chi thiết bị âm thanh				
	Chi NQ27	7.721	2.257	29,23%	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (Nguồn 12)	1.061	708		
		-	-		
		-	-		

Nơi nhận:

- CC, VC, NLĐ trường;
- P.TCKH để báo cáo;
- Niêm yết bản tin trường từ ngày 15/07/2024 Đến ngày 31/07/2024
- Lưu VT,2b, (tên KT)

HIỆU TRƯỞNG

Đỗ Hiếu Lễ